

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/12/2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Hạnh

2. Ông Đồng Văn Hóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Tý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: - Chị **Trần Thị Tuyết Tr**; sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn: - Anh **Lê Bá Đ**, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 15 tháng 8 năm 2017 cũng như tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết Tr trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh Lê Bá Đ là vợ chồng, chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, gần 02 năm trở lại đây cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, hay giận hờn nhau khiến tình cảm nhạt nhẽo, chị Tr và anh Đ không tìm được tiếng nói chung cũng như không hòa hợp được trong cuộc sống; anh Đ thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến vợ con, không ngó ngàng đến việc chăm

sóc, nuôi dạy con cái, có thái độ coi thường và lời nói xúc phạm, chửi bốp mẹ chị Tr; giữa chị Tr và mẹ chồng, chị chồng cũng không hòa hợp được dẫn đến cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Do không chung sống được nên vào tháng 7 năm 2017 chị Tr đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng vì nghĩ cho con cái nên rút đơn để vợ chồng có thể hàn gắn nhưng không có kết quả, anh Đ vẫn bỏ bê, không lo lắng cho vợ con, mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Đ ngày càng gay gắt, trầm trọng, không thể hàn gắn được. Hiện tại chị Tr và anh Đ đã sống ly thân. Nay chị Tr xác định tình cảm dành cho anh Đ không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr và anh Đ có 02 con chung tên: Lê Thị Yên N, sinh ngày 17/12/2014 và Lê Bá T, sinh ngày 30/12/2016.

Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/ 1tháng/ 01 con. Tại phiên tòa, chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị Tr và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Tr không yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn Lê Bá Đ tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Đ và chị Trần Thị Tuyết Tr chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước. Khi mới kết hôn anh Đ và chị Tr sống cùng cha mẹ vợ được 02 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng về nơi ở của 02 vợ chồng, hai bên nội ngoại đều không cho vợ chồng ra ở riêng, vì chung sống với bố mẹ vợ nên cuộc sống không được thoải mái nên vợ chồng giận hờn nhau, anh Đ thừa nhận có mâu thuẫn, xúc phạm cha mẹ vợ nhưng nguyên nhân là do cha mẹ vợ xúc phạm anh. Sau đó, vợ chồng chuyển ra ngoài ở trọ nhưng không thể tự lo cho cuộc sống được, vì các con còn nhỏ nên anh Đ và chị Tr chuyển đến ở nhờ nhà anh ruột của anh Đ tại phường TT, thị xã ĐX để có người chăm sóc. Tuy nhiên, giữa 02 bên lại xảy ra mâu thuẫn không hợp nhau rồi lời qua tiếng lại chửi bới, xúc phạm lẫn nhau. Tháng 7 năm 2017, chị Tr yêu cầu Tòa án thị xã ĐX giải quyết ly hôn sau đó chị Tr suy nghĩ lại và rút đơn về. Từ khi chị Tr nộp đơn ly hôn lại đến nay vợ chồng sống ly thân. Trước yêu cầu ly hôn của chị Tr anh Đ không đồng ý, mong muốn chị Tr suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Trường hợp Tòa án đã hòa giải mà chị Tr vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh Đ đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý ly hôn với chị Tr.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: anh Đ và chị Tr có 02 con chung tên: Lê Thị Yên N, sinh ngày 17/12/2014 và Lê Bá T, sinh ngày 30/12/2016.

Khi ly hôn, anh Đ không đồng ý giao cả 02 con chung cho chị Tr nuôi. Anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi 01 con chung, con lớn hay con nhỏ đều

được. Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý giao cả hai con chung cho chị Tr nuôi. Vấn đề cấp dưỡng chị Tr không yêu cầu nên anh Đ không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh Đ và chị Tr không có tài sản chung, nợ chung cũng như không còn vấn đề gì chung khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn;
- 02 bản sao sổ hộ khẩu gia đình;
- 02 bản sao chứng minh nhân dân;
- 01 bản sao giấy khai sinh, 01 trích lục khai sinh;
- 01 quyết định công nhận đoàn tụ gia đình;
- 03 Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân;
- 01 Đơn xác nhận ngày 09/11/2017;
- 01 Hợp đồng lao động của chị Trần thị Tuyết Tr;
- 01 bảng lương tháng 10/2017 của chị Trần Thị Tuyết Tr;

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh Đ chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐTâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Về con chung: có hai con chung Lê Thị Yến N, sinh ngày 17/12/2014 và Lê Bá T, sinh ngày 30/12/2016.

- Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về thời gian, địa điểm, kết hôn, hôn nhân tự nguyện; có 02 con chung; về tài sản chung không có nên các bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất:

Trước đây chị Tr yêu cầu ly hôn với anh Đ, anh Đ mong muốn chị Tr suy nghĩ lại, trường hợp Chị Tr cương quyết ly hôn thì anh Đ cũng đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa anh Đ đồng ý ly hôn với chị Tr.

Trước đây chị Tr và anh Đ không thống nhất được vấn đề nuôi con chung, cấp dưỡng. Tại phiên tòa anh Đ đồng ý giao 02 con chung cho chị Tr nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến xác định:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đúng quy định của pháp luật trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi 02 con chung của chị Trần Thị Tuyết Tr; về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết Tr thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn Lê Bá Đ có nơi cư trú tại đội 1, ấp 1, xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh Đ chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước vào năm 2014. Việc kết hôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Tr và anh Đ có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất được nơi ăn chốn ở sau khi kết hôn, kinh tế khó khăn, thiếu sự quan tâm, cảm thông, sẽ chia cho nhau những lúc khó khăn trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt, chẳng những không hàn gắn được mà ngày càng trở nên trầm trọng và sống ly thân. Chị Tr xác định tình cảm dành cho anh Đ không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Đối với anh Đ có ý kiến mong muốn chị Tr suy nghĩ lại, trường hợp chị Tr cương quyết ly hôn thì anh Đ đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Tr. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù các bên đã được Tòa án nhiều lần hòa giải nhưng không thành và không hòa giải được, chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Đ và tại phiên tòa anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị Tr. Xét thấy, tình cảm của chị Tr dành cho anh Đ không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân giữa hai người không đạt được. Vì vậy, cần tuyên xử cho chị Tr được ly hôn với anh Đ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về con chung: Chị Tr và anh Đ có 02 con chung tên Lê Thị Yến N, sinh ngày 17/12/2014 và Lê Bá T, sinh ngày 30/12/2016.

Về yêu cầu nuôi con: Nguyên đơn chị Tr có yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Sau khi xem xét các tài liệu mà chị Tr cung cấp cho Tòa án thì chị Tr hiện làm công nhân và thu nhập ổn định hơn 4.000.000 đồng/1 tháng. Đối với bị đơn anh Lê Bá Đ có yêu cầu nuôi con chung, con lớn hay nhỏ đều được và không yêu cầu cấp dưỡng nhưng sau khi Tòa án thông báo cung cấp chứng cứ để chứng minh điều kiện nuôi con thì anh Đ không cung cấp cho Tòa án bất cứ một tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh thu nhập đảm bảo điều kiện về vật chất cũng như tinh thần để nuôi dưỡng con cái. Nhận thấy, hiện các cháu Lê Thị Yến N, Lê Bá T còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) cần sự chăm sóc của người mẹ và theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Tại phiên tòa, anh Đ đồng ý giao cả 02 con chung cho chị Tr nuôi. Nên cần giao hai cháu Lê Thị Yến N và Lê Bá T cho chị Tr trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trước đây chị Tr yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung 2.000.000 đồng/01 tháng. Tại phiên tòa chị Tr không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nên cần áp dụng Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị Tr trong vụ án này.

4. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết Tr phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, 117, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị Trần Thị Tuyết Tr được ly hôn với anh Lê Bá Đ.

2. Về con chung, cấp dưỡng:

Tuyên giao con chung là Lê Thị Yến N, sinh ngày 17/12/2014 và Lê Bá T, sinh ngày 30/12/2016 cho chị Tr là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu N, T trưởng thành đủ 18 tuổi.

Đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị Trần Thị Tuyết Tr.

Trong thời gian chị Tr nuôi dưỡng con chung anh Được được thực hiện quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, chị Trần Thị Tuyết Tr phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002249 ngày 05/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết Tr, bị đơn anh Lê Bá Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện ĐP;
- THA huyện ĐP;
- UBND xã ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, BP.HNGĐ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Đức Hùng

